

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Hữu	Thiện	3672050413	13/09/1993		7,50	7,50	
2	Trần Đức	Đạt	3672050427	09/03/1994		5,30	5,30	
3	Nguyễn Đình	Minh	3672050429	02/02/1992		6,00	6,00	
4	Huỳnh Trọng	Thắng	3672050433	24/08/1994		6,00	6,00	
5	Lê Văn	Sang	3672050435	05/06/1994		,00	,00	Nợ HP
6	Mai Ngọc	Son	3672050438	06/02/1994		6,50	6,50	
7	Hồ Minh	Phương	3672050443	02/09/1994		5,50	5,50	
8	Phạm Duy	Huy	3672050448	25/08/1994		6,50	6,50	
9	Phạm Ngọc	Vũ	3672050460	09/01/1994		5,80	5,80	
10	Trần Hoàng	Cung	3672050466	16/10/1994		,00	,00	Nợ HP
11	Nguyễn Văn	Trung	3672050476	05/06/1994		8,80	8,80	
12	Phùng Vương	Nghĩa	3672050494	08/09/1994		5,00	5,00	
13	Đình Trọng	Lượng	3672050504	20/07/1994		5,00	5,00	
14	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993		5,00	5,00	
15	Nguyễn Văn	Thịnh	3672050555	14/02/1994		5,00	5,00	
16	Nguyễn Hữu	Lợi	3672050565	21/03/1994		6,30	6,30	
17	Lê Minh	Thiện	3672050579	10/05/1993		5,00	5,00	
18	Nguyễn Chí	Thanh	3672050643	20/11/1994		,00	,00	Nợ HP
19	Đỗ Văn	Chung	3672050644	20/08/1994		5,00	5,00	
20	Dương Vĩnh	Nam	3672050645	14/04/1994		,00	,00	Nợ HP
21	Võ Lữ Thanh	Phong	3672050649	14/12/1992		6,50	6,50	
22	Nguyễn Tấn	Tài	3672050651	07/12/1994		5,00	5,00	
23	Lê Văn	Hậu	3672050691	23/07/1994		8,80	8,80	
24	Nguyễn Ngọc	Tươi	3672050697	07/11/1994		,00	,00	Nợ HP
25	Cao Thành	Hiệp	3672050704	01/08/1993		,00	,00	Nợ HP
26	Lê Công	Tòan	3672050723	15/01/1994		7,00	7,00	
27	Vũ Ngọc	Duy	3672050724	12/01/1994		5,00	5,00	
28	Nguyễn Thanh	Hùng	3672050744	07/01/1994		,00	,00	Nợ HP
29	Khâu Trung	Can	3672050753	02/11/1993		,00	,00	Nợ HP
30	Lê Thanh	Phong	3672050775	22/07/1994		5,30	5,30	
31	Phan Thanh	Long	3672050800	25/05/1994		8,00	8,00	
32	Trần Quang	Trung	3672050805	10/01/1994		,00	,00	
33	Võ Văn	Hiền	3672050808	20/06/1994		7,50	7,50	
34	Lê Tuấn	Trung	3672050827	28/02/1994		,00	,00	Nợ HP
35	Nông Văn	Phi	3672050842	10/06/1994		,00	,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Ngọc	Anh	3672050856	20/12/1994		5,00	5,00	
37	Trương Minh	Hoàng	3672050863	09/02/1994		5,00	5,00	
38	Lý Thái	Hưng	3672050886	27/07/1994		6,00	6,00	
39	Nguyễn Ngọc	Duy	3672050889	13/09/1994		,00	,00	Nợ HP
40	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993		6,30	6,30	
41	Võ Văn	Kiệt	3672050917	20/06/1994		7,50	7,50	
42	Hạ Quang	Đức	3672050926	24/10/1993		5,30	5,30	
43	Nguyễn Tấn	Tài	3672050942	08/07/1994		,00	,00	Nợ HP
44	Đặng Trần Thị Y	Linh	3672050943	01/11/1994		7,50	7,50	
45	Dương Cao	Quý	3672050956	30/07/1994		5,00	5,00	
46	Tô Tiến	Tài	3672050957	08/10/1994		7,50	7,50	
47	Trần Bá	Thịnh	3672050962	09/03/1994		5,50	5,50	
48	Võ Văn	Tuân	3672050974	01/06/1993		5,00	5,00	
49	Mai Đỗ	Nghĩa	3672050981	24/07/1994		,00	,00	Nợ HP
50	Trần Văn	Thùy	3672050988	07/02/1994		,00	,00	Nợ HP
51	Nguyễn Hoàng	Tùng	3672051021	22/04/1994		,00	,00	Nợ HP
52	Phạm Quốc	Pháp	3672051056	30/03/1992		,00	,00	
53	Nguyễn Thành	Tâm	3672051061	27/05/1994		,00	,00	Nợ HP
54	Huỳnh Minh	Cánh	3672051081	21/12/1994		,00	,00	Nợ HP
55	Phạm Văn	Trung	3672051082	16/10/1993		,00	,00	
56	Lê Quốc	Khải	3672051097	01/09/1994		6,30	6,30	
57	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994		7,80	7,80	
58	Võ Minh	Phụng	3672051203	15/03/1994		7,00	7,00	
59	Nguyễn Minh	Chinh	3672051216	14/02/1994		,00	,00	Nợ HP
60	Huỳnh Đại	Nhân	3672051238	08/04/1994		6,00	6,00	
61	Trần Văn	Hùng	3672051266	21/01/1994		,00	,00	Nợ HP
62	Trần Quốc	Toàn	3672051271	08/02/1994		5,80	5,80	
63	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994		6,80	6,80	
64	Nguyễn Thế	Bá	3672051455	12/10/1993		5,00	5,00	
65	Nguyễn Minh	Lực	3672051474	12/12/1994		6,80	6,80	
66	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993		5,00	5,00	Nợ HP
67	Lương Lý	Huỳnh	3672051481	02/01/1994		7,50	7,50	
68	Trần Quốc	Tài	3672051529	08/11/1994		5,50	5,50	
69	Trần Thanh	Quyết	3672051530	29/06/1993		5,00	5,00	Nợ HP
70	Võ Công	Phúc	3672051541	12/04/1994		,00	,00	Nợ HP
71	Bùi Công	Tuân	3672051573	05/09/1994		6,30	6,30	
72	Trần Đình	Nhiên	3672051593	19/07/1994		,00	,00	Nợ HP
73	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994		7,00	7,00	
74	Phạm Nhật	Thảo	3672051610	20/10/1994		6,00	6,00	
75	Nguyễn Văn	Hòa	3672051629	20/04/1994		5,00	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trần Đức	Huy	3672051651	15/07/1993		,00	,00	Nợ HP
77	Bùi Thanh	Trí	3672051658	15/03/1993		7,50	7,50	
78	Trần Thanh	Đạt	3672051664	13/07/1994		6,50	6,50	
79	Lâm Châu	Minh	3672051668	14/04/1994		,00	,00	Nợ HP
80	Nguyễn Hoàng	An	3672051674	24/06/1994		,00	,00	Nợ HP
81	Trần Bình	Trọng	3672051854	15/05/1994		8,80	8,80	
82	Đoàn Văn	Thành	3672051868	05/08/1993		5,00	5,00	
83	Võ Như Trọng	Huân	3672051887	25/02/1994		7,50	7,50	
84	Nguyễn Quang	Vinh	3672051894	01/09/1994		5,00	5,00	
85	Nguyễn Văn	Thuận	3672051961	14/03/1993		6,00	6,00	
86	Trương Đăng	Triều	3672051973	29/09/1994		5,00	5,00	
87	Hoàng Duy	Tân	3672052001	18/01/1994		5,00	5,00	
88	Nguyễn Bảo	Linh	3672052002	14/02/1994		,00	,00	
89	Nguyễn Thành	Luân	3672052028	05/11/1994		6,00	6,00	
90	Trần	Phuong	3672052038	09/04/1993		5,00	5,00	
91	Nguyễn Xuân	Tín	3672052055	04/02/1994		,00	,00	Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)